

BO GIAO DUC - NAO TAO
NAI HOI QUOC GIA THANH PHO HO CHI MINH
TRONG NAI HOI KINH TE

-----oOo-----

VU HOAI NHOI

De tai:

**VAN DUNG CHUAN MUC QUOC TE VE KE TOAN
DE HOAN THIEN HE THONG BAO CAO TAI CHINH
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Chuyen ngành: Kế toán Tài vụ và Phân tích hoạt động Kinh tế

Mã số : 5.02.11

LUN AN THAC SI KHOA HOC KINH TE

Ngöoi höng dan khoa hoc:

PGS - TS NAO VAN TAI

THANH PHO HO CHI MINH - 2000 -

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trang

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN

VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

1.1-	KẾ TOÁN	1
1.1.1-	Định nghĩa về kế toán	1
1.1.2-	Bản chất và vai trò của hệ thống báo cáo kế toán	2
1.1.3-	Tiêu chuẩn của thông tin kế toán hữu ích	5
1.2-	CHUẨN MỤC KẾ TOÁN	6
1.2.1-	Định nghĩa chuẩn mực kế toán	6
1.2.2-	Sự cần thiết phải có hệ thống chuẩn mực quốc tế về kế toán.....	7
1.3.1-	Nội dung của chuẩn mực quốc tế về kế toán	8
1.3-	NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN VỀ NGUYÊN TẮC LẬP VÀ TRÌNH BÀY CÁC THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10
1.3.1-	Mục đích của báo cáo tài chính	10
1.3.2-	Thủ tục và nguyên tắc lập báo cáo tài chính	11
1.3.3-	Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính	12

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO

TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM... 21

2.1-	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	
------	--	--

VIỆT NAM.....	21
2.1.1- Thời kỳ quản lý theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung (từ 1986 trở về trước)	21
2.1.2- Thời kỳ chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường (từ năm 1987 đến 1994)	24
2.1.3- Thời kỳ nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (từ năm 1995 đến nay)	26
2.2- THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN HÀNH	27
2.2.1- Hệ thống báo cáo tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay	28
2.2.2- Ưu điểm và những vấn đề còn tồn tại của hệ thống báo cáo tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.....	32
CHƯƠNG 3: VẬN DỤNG CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ KẾ TOÁN ĐỂ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	40
3.1- QUAN ĐIỂM VỀ VIỆC SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH	40
3.1.1- Quan điểm tuân thủ luật pháp	40
3.1.2- Quan điểm thương mại hợp lý	41
3.2- MỤC TIÊU HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN TÀI CHÍNH	45
3.3- VẬN DỤNG CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ KẾ TOÁN ĐỂ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	45
3.3.1- Các giải pháp chung nhằm hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam	45
3.3.2- Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam	49
KẾT LUẬN	67

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

TaiLieu.vn

LỜI MỞ ĐẦU

I- TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Hệ thống báo cáo tài chính, một bộ phận cấu thành của hệ thống kế toán, là nguồn thông tin cần thiết và hết sức quan trọng cho các quyết định kinh tế của nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp. Chất lượng thông tin do báo cáo tài chính cung cấp luôn là mối quan tâm thường xuyên không những của bản thân nhà quản trị tại doanh nghiệp, của các cơ quan chức năng của Nhà nước, mà còn là mối quan tâm của các đối tượng khác có quyền lợi trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp.

Trên thế giới, việc soạn thảo và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính được xác lập theo những tiêu chuẩn, thủ tục và nguyên tắc lập có tính thực tiễn và khoa học do các hiệp hội, tổ chức kế toán quốc gia và quốc tế nghiên cứu.

Hệ thống thông tin được soạn thảo và trình bày trong hệ thống báo cáo tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam đã cung cấp những thông tin hữu ích và có tác dụng tích cực đối với công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do chuyển đổi kinh tế mới trong giai đoạn đầu, nền kinh tế Việt Nam từng bước hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới, hơn nữa những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh ... nên việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế nói chung và công cụ kế toán nói riêng không thể tránh khỏi khiếm khuyết.

Xuất phát từ nhận thức trên, chúng tôi cho rằng việc xem xét, nghiên cứu vận dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán để không ngừng hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có hệ thống báo cáo tài chính, luôn là yêu cầu cấp bách.

II- MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU:

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay từ chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995; các đặc điểm về môi trường kế toán của Việt Nam như văn hóa, luật pháp, kinh tế, xã hội ... ; và đối chiếu với các nội dung của hệ thống chuẩn mực quốc tế về kế toán, chúng tôi nhìn nhận lại những ưu nhược điểm của hệ thống báo cáo tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Qua đó đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp Việt Nam.

Luận án tập trung vào 3 mục tiêu, trong đó mục tiêu cuối cùng là mục tiêu chính:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về bản chất, các tiêu chuẩn và nội dung cấu thành hệ thống thông tin trong báo cáo tài chính.

- Đánh giá thực trạng hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam để rút ra những điểm hạn chế, khiếm khuyết cần được hoàn thiện.
- Đề xuất các giải pháp chung và một số các giải pháp cụ thể để góp phần hoàn thiện việc soạn thảo và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính.

III- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật, đồng thời sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp quy nạp, phương pháp diễn giải, phương pháp phân tích để làm sáng tỏ các nội dung nghiên cứu về lý luận, trình bày thực trạng, cũng như xác lập các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện mục tiêu của đề tài.

Luận án có kết cấu như sau:

- Lời mở đầu
- Chương I: Tổng quan về kế toán, chuẩn mực kế toán và báo cáo tài chính
- Chương II : Thực trạng của hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam
- Chương III : Vận dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán để hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam
- Kết luận
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.4- KẾ TOÁN:

1.1.1- ĐỊNH NGHĨA VỀ KẾ TOÁN

Trong thời kỳ sơ khai, kế toán được quan niệm như là một phương pháp, một hoạt động thực hành giản đơn, một cách thức để phân chia kết quả và theo dõi các diễn biến của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Dần dần, nhận thức của con người về kế toán đã thay đổi đáng kể, các phương pháp và chức năng của kế toán ngày càng hoàn thiện hơn.

Ngày nay, kế toán được xem là phương thức đo lường, xử lý thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin kinh tế cho người sử dụng ra quyết định. Các yêu cầu thông tin kinh tế mà kế toán cung cấp ít hay nhiều, thô sơ hay phức tạp đều có chung thuộc tính là đòi hỏi thông tin biểu hiện bằng tiền về tình hình và sự vận động của tài sản, và tình hình sử dụng các tài sản này.

Trong phạm vi doanh nghiệp, đối tượng quản lý là hoạt động kinh doanh, kế toán là một trong những nguồn cung cấp các thông tin chủ yếu.

Một cách chung nhất, kế toán là hệ thống thông tin mà nhờ nó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được tính toán, đo lường, đánh giá dưới hình thức tiền tệ, và từ góc độ: Tình hình và sự biến động của vốn kinh doanh thuộc quyền sở hữu hay sử dụng của doanh nghiệp dùng cho hoạt động kinh doanh; và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong mỗi thời khóa kế toán.

Như vậy, kế toán thực hiện chức năng cơ bản là nguồn cung cấp thông tin hữu ích để người sử dụng ra quyết định. Chức năng này bao gồm *hai giai đoạn* khác nhau và có quan hệ chặt chẽ: Giai đoạn thu thập thông tin nhằm tính toán, đo lường các hoạt động kinh doanh và giai đoạn truyền đạt thông tin cho người sử dụng có liên quan đến quyết định.

Như vậy, định nghĩa kế toán chứa đựng hai vấn đề chính: Một là, trong định nghĩa cần phân biệt kế toán với các bộ môn thông tin khác. Sự phân biệt này có thể thấy thông qua nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kế toán: đối tượng và phương pháp thu thập, xử lý, truyền đạt thông tin kế toán. Hai là, giới hạn mục đích, chức năng của kế toán là nhằm cung cấp thông tin hữu ích để người sử dụng ra các quyết định.

Chính vì vậy, trong phần lớn các định nghĩa về kế toán, người ta thường trình

bày 2 vấn đề chính nêu trên.

Ủy ban thuật ngữ của Học viện kế toán viên công chứng của Mỹ (AICPA) đã định nghĩa: "Kế toán là một nghệ thuật dùng để ghi chép, phân loại và tổng hợp theo một cách thức nhất định dưới hình thức tiền tệ về các nghiệp vụ, các sự kiện và trình bày kết quả của nó cho người sử dụng ra quyết định".

Hiệp hội Kế toán Mỹ (trong Thông tin báo về lý thuyết kế toán căn bản) định nghĩa: "Kế toán là quá trình ghi nhận, đo lường và công bố các thông tin kinh tế, giúp cho người sử dụng phán đoán và ra quyết định dựa trên thông tin này".

Ủy ban Nguyên tắc Kế toán của Mỹ (APB) đã định nghĩa "Kế toán là một hoạt động mang tính dịch vụ mà chức năng của nó là nhằm cung cấp những thông tin tài chính định lượng của đơn vị, để giúp cho người sử dụng ra các quyết định trong dòng hoạt động bình thường".

Tại Việt Nam, định nghĩa kế toán cũng thay đổi theo quá trình phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đã trải qua 2 giai đoạn chính, đó là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa.

- Trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mục đích của kế toán là cung cấp thông tin cho Nhà nước để kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch. Vì vậy, Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước (ban hành kèm theo Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/03/1989 của Hội đồng Bộ trưởng) nêu rõ "Kế toán là công việc ghi chép, tính toán bằng con số dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động, chủ yếu dưới hình thức giá trị để phản ánh, kiểm tra tình hình vận động của các loại tài sản, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và kinh phí Nhà nước, cũng như của từng tổ chức, xí nghiệp".
- Trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, mục tiêu kế toán không chỉ cung cấp thông tin cho Nhà nước mà còn cung cấp thông tin cho các đối tượng khác như ngân hàng, các nhà đầu tư tiềm năng, nhà cung cấp, khách hàng ... Chính vì vậy, định nghĩa của kế toán phải thay đổi.

Chúng tôi cho rằng trong điều kiện như hiện nay, có thể được định nghĩa: Kế toán là một khoa học về thu thập, ghi chép, xử lý và truyền đạt những thông tin tài chính dưới hình thức tiền tệ, để người sử dụng có thể dựa vào đó mà ra các quyết định.

1.1.2- BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN:

Báo cáo kế toán là nguồn thông tin quan trọng để phục vụ yêu cầu quản lý bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp. Thông tin trên báo cáo kế toán được tính toán và tổng hợp trên cơ sở số liệu của các sổ kế toán, để hình thành nên một

hệ thống các chỉ tiêu phù hợp với mục tiêu quản lý cho bản thân doanh nghiệp, cũng như cho các đối tượng khác có quyền lợi trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán được phân thành 2 loại: Báo cáo tài chính và Báo cáo kế toán quản trị

1.1.2.1- Bản chất của báo cáo tài chính :

Như chúng ta đã biết, báo cáo tài chính là một hệ thống thông tin được xử lý bởi hệ thống kế toán tài chính, nhằm cung cấp những thông tin tài chính có ích cho các đối tượng sử dụng để đưa ra các quyết định kinh tế.

Trong hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam, báo cáo tài chính được xác định là loại báo cáo tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được thể hiện thông qua một hệ thống các chỉ tiêu có mối liên hệ với nhau do Nhà nước quy định thống nhất và mang tính pháp lệnh. Nó cung cấp cho người sử dụng thấy được bức tranh toàn cảnh về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, bản chất của báo cáo tài chính còn được Học viện Kế toán viên Công chứng của Mỹ (AICPA) phát biểu như sau:

“Hệ thống báo cáo tài chính được lập nhằm mục đích phục vụ cho việc xem xét định kỳ hoặc báo cáo về quá trình hoạt động của nhà quản lý, về tình hình đầu tư trong kinh doanh và những kết quả đạt được của thời kỳ báo cáo. Hệ thống báo cáo tài chính phản ánh sự kết hợp của những sự kiện được ghi nhận, những nguyên tắc kế toán và những đánh giá của cá nhân, mà trong đó những đánh giá và nguyên tắc kế toán được áp dụng có ảnh hưởng chủ yếu đến việc ghi nhận các sự kiện. Những đánh giá đúng đắn tùy thuộc vào khả năng và sự trung thực của người lập báo cáo, đồng thời phụ thuộc vào sự tuân thủ đối với những nguyên tắc kế toán đã được chấp nhận rộng rãi”.

Hai tác giả Bryan Barsberg và Susan Dev cũng đã nêu lên bản chất của báo cáo tài chính như sau: “Hệ thống báo cáo tài chính được thiết kế để trình bày những kết quả của những nghiệp vụ và những sự kiện xảy ra trong quá khứ là kênh truyền đạt thông tin chính của những hoạt động quản lý với thế giới bên ngoài. Báo cáo tài chính được yêu cầu phải tuân thủ luật công ty, quy chế thị trường chứng khoán nếu chứng khoán của công ty được niêm yết. Vì thế việc kiểm toán báo cáo tài chính nên được yêu cầu bởi luật pháp, bởi vì nhà quản lý có thể là một nhóm khác biệt với những cổ đông những người đã giao phó tài sản của họ cho nhà quản lý. Báo cáo tài chính được yêu cầu phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán bên ngoài, nên khả năng có thể thẩm tra là một thuộc tính chủ yếu của những con số xuất hiện trên báo cáo tài chính”.

Từ những quan điểm trên ta có thể nói rằng, bản chất của báo cáo tài chính là phản ánh sự kết hợp của những sự kiện xảy ra trong quá khứ với những nguyên tắc kế toán đã được thừa nhận và những đánh giá của cá nhân, nhằm chủ yếu cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho các đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp. Một mặt do thông tin trình bày trên báo cáo tài chính chủ yếu chịu sự chi phối bởi những đánh giá của người lập báo cáo tài chính. Mặt khác, có sự tách biệt giữa sự sở hữu và khả năng kiểm soát của những người cung cấp vốn cho doanh nghiệp, nên báo cáo tài chính được lập đòi hỏi phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

1.1.2.2- Bản chất của báo cáo kế toán quản trị :

Báo cáo kế toán quản trị là những báo cáo phục vụ cho yêu cầu quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà quản lý doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán quản trị cung cấp những thông tin được cần bởi nhà quản lý để lập kế hoạch, đánh giá và kiểm soát hoạt động trong doanh nghiệp, nó tồn tại vì lợi ích của nhà quản lý. Một cách tổng quát, nó cung cấp những thông tin giúp cho nhà quản lý có quyết định chính xác về những vấn đề như giá cả, số lượng sản phẩm đầu ra, kết cấu sản phẩm tiêu thụ, vấn đề quản lý vốn ... Tất cả đều liên quan đến việc đánh giá các thông tin kế toán quản trị. Vì thông tin được chuẩn bị và sử dụng riêng cho nhà quản lý nên kiểm toán độc lập sẽ không thích hợp. Do không cần được kiểm toán độc lập và khía cạnh sở hữu cá nhân của thông tin kế toán quản trị, nên việc lập báo cáo này không cần thiết phải tuân theo những nguyên tắc kế toán nhất định, nhằm mục đích tăng cường khả năng so sánh giữa các công ty, bởi những so sánh đó không phải là mục đích của kế toán quản trị nói chung và báo cáo kế toán quản trị nói riêng.

Như vậy, bản chất của báo cáo kế toán quản trị là hệ thống thông tin được soạn thảo và trình bày theo yêu cầu quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh và ra quyết định của bản thân từng doanh nghiệp, nên nó có tính linh hoạt, đa dạng và không phụ thuộc vào những nguyên tắc kế toán. Điều cơ bản của loại báo cáo này là giúp cho nhà quản lý thấy được những gì đã và đang diễn ra trong hoạt động của doanh nghiệp gắn liền với từng bộ phận, từng chức năng nhất định.

1.1.2.3- Vai trò của hệ thống báo cáo kế toán:

Ngày nay vai trò của hệ thống báo cáo kế toán không còn bị giới hạn trong việc cung cấp những thông tin tài chính, được thu thập từ các sự kiện xảy ra và được đo lường bằng thước đo tiền tệ. Nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà quản lý và những người sử dụng bên ngoài, hệ thống báo cáo kế toán có thể bao gồm những thông tin phi tài chính như: tình hình sản xuất, dự đoán nhu cầu người tiêu dùng, số liệu thống kê về mức độ thỏa mãn của người tiêu dùng, các chỉ tiêu bình quân trong

ngành ... Bằng cách kết hợp những thông tin tài chính và phi tài chính, hệ thống báo cáo kế toán sẽ trở nên hữu ích hơn nhiều cho những người sử dụng thông tin.

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, như các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm năng, các chủ nợ, nhà quản lý, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác có liên quan. Vai trò của báo cáo tài chính được thể hiện thông qua một số đối tượng chủ yếu:

- **Đối với Nhà nước:** Báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở tính thuế và các khoản phải nộp của doanh nghiệp cho Ngân sách Nhà nước .
- **Đối với nhà quản lý doanh nghiệp:** Các nhà quản lý thường cạnh tranh với nhau để tìm kiếm nguồn vốn và cố gắng thuyết phục với các nhà đầu tư và các chủ nợ rằng họ sẽ đem lại mức lợi nhuận cao nhất với độ rủi ro thấp nhất. Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý phải công bố công khai các thông tin trên báo cáo tài chính định kỳ về hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nhà quản lý còn sử dụng báo cáo tài chính để tiến hành quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.
- **Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ:** Nhìn chung các nhà đầu tư và các chủ nợ đòi hỏi báo cáo tài chính vì 2 lý do: họ cần các thông tin tài chính để giám sát và bắt buộc các nhà quản lý phải thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết và họ cần các thông tin tài chính để thực hiện các quyết định đầu tư cho vay của mình.
- **Đối với các kiểm toán viên độc lập:** Các nhà đầu tư và tín dụng có lý do để lo lắng rằng các nhà quản lý có thể bóp méo các báo cáo tài chính do họ cung cấp nhằm mục đích tìm kiếm nguồn vốn hoạt động. Vì vậy, các nhà đầu tư và tín dụng đòi hỏi các nhà quản lý phải bỏ tiền ra thuê các kiểm toán viên độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính, và các nhà quản lý đương nhiên phải chấp thuận vì họ cần vốn. Như vậy, báo cáo tài chính đóng vai trò là đối tượng của kiểm toán độc lập.

1.1.3. TIÊU CHUẨN CỦA THÔNG TIN KẾ TOÁN HỮU ÍCH

1.1.3.1- Sự cần thiết phải có thông tin kế toán hữu ích

Các đối tượng có lợi ích trực tiếp và gián tiếp đối với doanh nghiệp đều cần những thông tin hữu ích được cung cấp từ hệ thống báo cáo tài chính, và nó được xem là một đòi hỏi khách quan trong nền kinh tế thị trường. Các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính như là cơ sở tin cậy cho việc đưa ra

các quyết định về đầu tư, cho vay, kiểm tra, tính thuế ... còn đối với các nhà quản lý, các thông tin kế toán hữu ích của báo cáo tài chính cũng sẽ phục vụ đắc lực cho công tác quản trị doanh nghiệp. Như vậy, chất lượng của thông tin được cung cấp bởi báo cáo tài chính là rất quan trọng cho các đối tượng sử dụng bên ngoài và bên trong doanh nghiệp.

1.1.3.2- Tiêu chuẩn để đánh giá thông tin kế toán hữu ích:

1.1.3.2.1- Những giả định cơ sở:

Trong “Khuôn mẫu cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính”, Ủy ban Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán (IASB) đã nêu ra 2 giả định cơ sở cần tuân theo khi lập và trình bày các báo cáo tài chính, đó là:

1- Cơ sở dồn tích:

Để đạt được các mục đích của mình, các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích. Theo cơ sở này, ảnh hưởng của các nghiệp vụ, các sự kiện được hạch toán khi chúng phát sinh (mà không phải vào thời điểm thực tế thu hoặc chi tiền), chúng được ghi chép trong các sổ kế toán và được thể hiện trong báo cáo tài chính của kỳ mà chúng phát sinh.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích không chỉ thông báo cho người sử dụng về các nghiệp vụ đã qua có liên quan đến thu chi tiền tệ mà còn thông báo cho người sử dụng các thông tin về các nghĩa vụ doanh nghiệp phải thanh toán và các nguồn tiền doanh nghiệp sẽ thu trong tương lai. Vì thế báo cáo tài chính đó cung cấp những loại thông tin về các nghiệp vụ quá khứ và các sự kiện khác rất hữu ích để người sử dụng đưa ra các quyết định hợp lý.

2- Hoạt động liên tục:

Các báo cáo tài chính được lập theo giả định doanh nghiệp đang hoạt động trong một tương lai có thể dự kiến trước. Vì thế, người ta giả định rằng doanh nghiệp không có ý định mà cũng không cần thiết phải từ bỏ hoặc thu hẹp quy mô hoạt động của mình một cách nghiêm trọng. Nếu thực tế diễn ra trái với giả định trên đây thì báo cáo tài chính có thể phải lập theo một giả định khác và như vậy giả định đó sẽ được trình bày cụ thể.

1.1.3.2.2- Tiêu chuẩn để đánh giá thông tin hữu ích trên báo cáo tài chính:

Để thông tin trên báo cáo tài chính mang tính hữu ích, Ủy ban Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán (IASB) đã đưa ra các tính chất định tính mà báo cáo tài chính phải đạt được là: *tính dễ hiểu, tính thích hợp, tính đáng tin cậy và tính so sánh*. Ngoài ra IASB còn đưa ra một số khái niệm nhằm làm cho các thông tin trên báo

cáo tài chính đạt được mang tính chất trên như: *khái niệm trọng yếu, trình bày trung thực, nội dung hơn hình thức, tính khách quan, thận trọng và đầy đủ.*

1.5- HUẤN MỤC KẾ TOÁN

1.2.1- ĐỊNH NGHĨA CHUẨN MỤC KẾ TOÁN

Hiểu theo nghĩa chung nhất, chuẩn mực là thuật ngữ diễn tả những quy định mực thước có thể định lượng được để đo lường chất lượng một công việc, nó là những ràng buộc nhằm định hướng công việc chuyên môn đi vào những nguyên tắc chung.

Hoạt động kế toán cũng tương tự như các hoạt động khác, chỉ có thể hoạt động một cách hữu hiệu khi có những chuẩn mực riêng cho mình. Thật vậy, chức năng của kế toán là cung cấp các thông tin để người sử dụng có thể ra các quyết định. Muốn vậy, thông tin kế toán phải phản ánh trung thực tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh. Nó phải làm cho người sử dụng hiểu được, tin cậy và phải giúp so sánh các thông tin tài chính.

Để đạt được các mục đích đó, cần có những phương pháp và thước đo để giúp nhận diện những vấn đề hợp lý và không hợp lý liên quan đến việc ghi nhận, phân tích, trình bày và truyền đạt các thông tin tài chính. Bởi lẽ, thực tế đã chứng minh rằng cùng một số liệu kế toán nhưng nếu áp dụng phương pháp đánh giá, ghi nhận khác nhau sẽ đưa đến kết quả khác biệt đáng kể. Vì thế, cần có những quy định làm khuôn mẫu giúp đánh giá, ghi nhận và trình bày thông tin tài chính, và đó chính là những chuẩn mực kế toán.

Do vậy, có thể định nghĩa một cách tổng quát: *Chuẩn mực kế toán là những quy ước, nguyên tắc, thủ tục được công nhận như những hướng dẫn cho nghề nghiệp kế toán trong việc chọn lựa các phương pháp để ghi chép, phương pháp đánh giá các yếu tố trong việc soạn thảo báo cáo tài chính và là cơ sở đánh giá chất lượng công việc kế toán.*

1.2.2- SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ HỆ THỐNG CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ KẾ TOÁN:

Việc chuẩn mực hóa kế toán trong từng quốc gia đã tạo điều kiện cho kế toán phát triển trong một thời gian dài. Tuy nhiên xu hướng phát triển, hội nhập đan xen của nền kinh tế thế giới có sự thay đổi lớn đến kế toán.

Sự phát triển về số lượng của các công ty đa quốc gia, cùng với vấn đề toàn cầu hóa của thị trường chứng khoán trên thế giới, đã làm cho các nhà đầu tư, các nhà phân tích, các nhà quản lý, các nhà cố vấn tài chính ... cần nghiên cứu báo cáo tài chính ở nhiều nước khác nữa chứ không riêng gì ở nước họ. Những người có nhu cầu nghiên cứu các báo cáo tài chính của nước ngoài thường có khuynh hướng nhận định theo kinh nghiệm và kiến thức của họ, theo cách mà báo cáo tài chính được lập ở nước họ. Tuy nhiên điều đó có thể rất sai lầm khi áp dụng những tri thức và những hiểu biết đó để xem xét báo cáo tài chính được lập ở nước khác mà không có những kiến thức cơ bản về thực hành kế toán ở nước đó.

Mặc dù báo cáo tài chính ở một số nước có thể giống nhau, song chúng vẫn khác nhau do nhiều nguyên nhân. Ví dụ như do hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, luật pháp môi trường kinh doanh, hoặc do yêu cầu của người sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính ở mỗi quốc gia khác nhau. Từ sự khác nhau nói trên, dẫn đến việc sử dụng các khái niệm của các yếu tố trong báo cáo tài chính ở mỗi quốc gia cũng rất đa dạng, và chính điều này đã dẫn đến việc sử dụng những chuẩn mực khác nhau để hạch toán các khoản mục trong báo cáo tài chính, từ đó làm cho việc soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính ở mỗi quốc gia cũng khác nhau.

Vì vậy, vào ngày 29/6/1973, Ủy ban Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán (IASB) đã ra đời với sự tham gia của các tổ chức kế toán của 10 quốc gia là Úc, Canada, Pháp, Tây đức, Nhật, Mexico, Hà lan, Anh, Ai Nhĩ lan và Mỹ. IASB có nhiệm vụ thu hẹp những khác biệt nói trên, bằng cách soạn thảo các qui định, các thủ tục và chuẩn mực kế toán có liên quan để cho ra đời chuẩn mực quốc tế nhằm mục đích:

- Hình thành và công bố những chuẩn mực kế toán làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính, nhằm phục vụ cho quyền lợi của nhiều đối tượng sử dụng khác nhau và để nâng cao sự chấp nhận và tôn trọng trên toàn thế giới.
- Tiến tới việc cải tiến và tạo nên sự hòa hợp các qui định, chuẩn mực và thủ tục kế toán liên quan đến việc soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính.

Công việc của IASB được chỉ đạo bởi Hội đồng Cố vấn và Hội đồng Quản trị. Hội đồng cố vấn gồm các đại diện của nhiều tổ chức quốc tế, có nhiệm vụ tư vấn cho IASB về việc soạn thảo các IAS, và tham gia phản biện khoa học (nhưng không biểu quyết). Còn Hội đồng Quản trị gồm đại diện 13 quốc gia và tổ chức sẽ chịu trách nhiệm quyết định trong quá trình xây dựng các chuẩn mực

Ủy ban Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán tin rằng, với sự công nhận các chuẩn mực quốc tế về kế toán ở mỗi quốc gia, cùng với sự công bố việc chấp nhận những chuẩn mực này, qua một thời gian sẽ có tác dụng tốt, chất lượng của các báo cáo tài chính sẽ được cải tiến và sẽ gia tăng khả năng so sánh của hệ thống báo cáo tài chính giữa các nước với nhau, và như vậy độ tin cậy và tính hữu dụng của báo cáo

tài chính sẽ được nâng cao trên toàn thế giới, từ đó tạo nên tiếng nói chung của các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.

1.2.3- NỘI DUNG CỦA CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ KẾ TOÁN

Khi xây dựng hệ thống chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS), IASC dựa trên nguyên tắc chính là chỉ tập trung vào những vấn đề lớn, và đó thường là những vấn đề có sự khác biệt trong cách giải quyết giữa các quốc gia, phương pháp giải quyết là cố gắng dung hòa càng nhiều càng tốt sự khác biệt về tiêu chuẩn và chính sách kế toán của các quốc gia khác nhau. Hệ thống chuẩn mực sẽ được xét duyệt liên tục để luôn cập nhật những vấn đề mới nhất.

Hệ thống chuẩn mực quốc tế về kế toán do IASC ban hành bao gồm ba phần chính:

- Khuôn mẫu của chuẩn mực kế toán (IAS framework).
- Các chuẩn mực kế toán cụ thể (các IAS cụ thể)
- Từ điển thuật ngữ
-

1.2.3.1- Khuôn mẫu của chuẩn mực quốc tế về kế toán

Khuôn mẫu là những quy ước chung về khái niệm kế toán căn bản về các đặc điểm định tính của báo cáo tài chính, về các yếu tố cần có và các phương pháp đánh giá các yếu tố của báo cáo tài chính.

Trong lời mở đầu của khuôn mẫu đã nêu rõ: Báo cáo tài chính được soạn thảo và trình bày cho người sử dụng bên ngoài doanh nghiệp. Mặc dù bề ngoài của báo cáo tài chính giữa các quốc gia có vẻ giống nhau, tuy vậy có rất nhiều điểm khác biệt do đặc điểm riêng về văn hóa, về kinh tế, xã hội và môi trường luật pháp của từng quốc gia ... Chính sự khác nhau này đã dẫn đến những định nghĩa, cũng như việc trình bày khác nhau về các yếu tố trên báo cáo tài chính.

IASC có trách nhiệm thu hẹp sự khác biệt đó thông qua hòa hợp các nguyên tắc, các tiêu chuẩn, thủ tục liên quan đến sự trình bày bằng báo cáo. Để hỗ trợ cho việc xây dựng các chuẩn mực quốc tế về kế toán. IASC phải ban hành khuôn mẫu để làm nền tảng. Mục đích của khuôn mẫu:

- Giúp cho IASC phát triển các IAS trong tương lai cũng như duyệt xét lại các IAS đã ban hành.
- Giúp cho IASC làm hài hòa các nguyên tắc, các chuẩn mực, các thủ tục liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, bằng cách cung cấp các cơ sở để giảm bớt việc chọn lựa các phương pháp hạch toán được IASC cho phép.

- Giúp cho các kiểm toán viên cho ý kiến liệu các báo cáo tài chính có phù hợp với IASC hay không.
- Giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ các thông tin chứa đựng trong báo cáo có phù hợp với các IAS đã được ban hành hay không.

Khuôn mẫu không phải là chuẩn mực kế toán, và do đó khuôn mẫu không đưa các phương pháp hay các công bố riêng nào cả, và không điểm nào trong khuôn mẫu được phép vượt qua các IAS. Nếu có mâu thuẫn giữa khuôn mẫu và các IAS, các IAS sẽ được tôn trọng hơn. Tuy vậy, khuôn mẫu chính là cơ sở để duyệt xét lại các IAS hiện hữu, và xây dựng các IAS trong tương lai.

1.2.3.2- Các chuẩn mực quốc tế về kế toán:

Chuẩn mực quốc tế về kế toán là các báo cáo ngắn gọn, súc tích nhằm giải quyết hai vấn đề chính là:

- Các khoản mục trên báo cáo tài chính được đánh giá như thế nào ?
- Những thông tin gì được xem là thông tin tối thiểu cần công bố trên báo cáo tài chính.?

Cho đến nay, IASC đã ban hành được 40 chuẩn mực, phạm vi áp dụng cho báo cáo tài chính của mọi loại hình doanh nghiệp. Tuy vậy các chuẩn mực không thể vượt quá luật lệ quy định ở các địa phương. Sự thành công của các IAS phần lớn dựa vào sự yểm trợ của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, trong đó chủ yếu là Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC).

Sau cuộc cải cách vào năm 1989, hiện nay trong các chuẩn mực quốc tế về kế toán và các phương pháp đánh giá được phân thành 2 loại: phương pháp chuẩn và phương pháp thay thế được chấp nhận. Phần lớn doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp chuẩn. Riêng phương pháp thay thế được chấp nhận chỉ sử dụng khi nào phương pháp chuẩn không phù hợp với đơn vị. Khi sử dụng phương pháp thay thế được chấp nhận, doanh nghiệp cần tính toán và công bố về chênh lệch giữa hai phương pháp.

1.6- NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN VỀ NGUYÊN TẮC LẬP VÀ TRÌNH BÀY CÁC THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3.1- MỤC ĐÍCH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Mục đích của báo cáo tài chính sử dụng ở nước ta về cơ bản có sự tương đồng với “Khuôn mẫu cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính” của Ủy ban Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán (IASB). Mục đích của báo cáo tài chính được xác định như sau:

Mục đích của các báo cáo tài chính là cung cấp những thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và những biến động về tình hình tài chính của doanh

nghiệp, để giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính đưa ra những quyết định kinh tế một cách kịp thời.

Để đạt được mục đích này, các báo cáo tài chính phải cung cấp đầy đủ các thông tin nhờ đó mà những người đọc báo cáo tài chính có thể dự đoán những lưu chuyển tiền mặt trong tương lai của doanh nghiệp, và đặc biệt là việc dự đoán về thời gian và độ chắc chắn của việc tạo ra tiền và những khoản tương đương tiền. Để làm được như vậy, các báo cáo tài chính phải cung cấp thông tin về:

- **Thông tin về tình hình tài chính** chủ yếu được cung cấp qua Bảng cân đối kế toán. Tình hình tài chính của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các nhân tố: các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, cơ cấu tài chính và khả năng thanh toán. Vì vậy khi nghiên cứu các thông tin về tình hình tài chính sẽ giúp cho người sử dụng :
 - Đánh giá năng lực của doanh nghiệp trong việc tạo ra các nguồn tiền và các khoản tương đương tiền trong tương lai;
 - Dự toán nhu cầu đi vay trong tương lai và phương thức phân phối lợi tức;
 - Dự đoán khả năng thành công của doanh nghiệp trong việc huy động các nguồn tài chính;
 - Đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc thực hiện các cam kết tài chính khi đến hạn.
- **Thông tin về kết quả kinh doanh** được cung cấp qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc nghiên cứu các thông tin về tình hình kinh doanh, đặc biệt là khả năng sinh lợi của doanh nghiệp sẽ giúp cho người sử dụng:
 - Đánh giá các thay đổi tiềm tàng của các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp có thể kiểm soát trong tương lai.
 - Dự đoán khả năng tạo ra các nguồn tiền của doanh nghiệp trên cơ sở hiện có.
 - Đánh giá tính hiệu quả của các nguồn lực bổ sung mà doanh nghiệp sử dụng.
- **Thông tin về những biến động tài chính** được cung cấp qua báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Việc nghiên cứu những thông tin này sẽ rất hữu ích cho người sử dụng trong việc:
 - Đánh giá xem doanh nghiệp có lợi tức nhưng có tiền hay không.
 - Đánh giá các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo
 - Đánh giá khả năng tạo ra nguồn tiền và sử dụng các khoản tương đương tiền trong tương lai của doanh nghiệp, cũng như việc sử dụng các nguồn tiền hiện tại.

Các mục đích nêu trên nhắm vào báo cáo tài chính hơn là cho những người sử dụng thông tin của báo cáo tài chính. Vì vậy các mục đích này phù hợp với vai trò cung cấp thông tin có ích trong việc ra các quyết định kinh tế, chứ không nhằm khẳng định các quyết định nào thì nên làm.

1.3.2- THỦ TỤC VÀ NGUYÊN TẮC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính ở mỗi quốc gia đều có sự khác biệt về nội dung cũng như hình thức biểu hiện, do sự chi phối của các yêu cầu, đặc biệt quản lý của Nhà nước cũng như tập quán kế toán của mỗi nước. Tuy nhiên xem xét một cách tổng thể thì có thể rút ra những vấn đề có ý nghĩa lý luận căn bản thuộc về thủ tục và nguyên tắc lập báo cáo tài chính, mà hầu như các quốc gia khác nhau đều tuân thủ thực hiện. Có thể nói rằng đây chính là kinh nghiệm quý báu có thể bổ sung vào hệ thống lý luận kế toán ở nước ta khi nghiên cứu giải quyết các vấn đề liên quan đến việc soạn thảo và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính. Các vấn đề lý luận căn bản về thủ tục và nguyên tắc lập báo cáo tài chính bao gồm :

- Hình thức và nội dung của báo cáo tài chính: Xác định các loại báo cáo tài chính cần phải lập, hình thức của từng loại báo cáo và hệ thống các chỉ tiêu kinh tế cần được cung cấp thông qua từng báo cáo
- Báo cáo tài chính đối với các tập đoàn kinh tế: Xác lập nội dung, phương pháp soạn thảo và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính ở các công ty mẹ - công ty bao gồm nhiều công ty con hoạt động ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và nhiều quốc gia khác nhau
- Những yêu cầu về lập hồ sơ lưu trữ pháp qui: Qui định việc lập và nộp các báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng để công khai thông tin cho những đối tượng khác nhau.
- Nguyên tắc đánh giá: Qui định việc sử dụng nguyên tắc đánh giá tài sản và công nợ để thực hiện việc hạch toán các đối tượng này, cũng như khi lập bảng cân đối kế toán
- Thuê tài sản: Phân định thuê tài sản theo phương thức thuê tài chính và thuê hoạt động.
- Thuế: Khoản thuế được đề cập gắn liền với báo cáo tài chính là thuế lợi tức - khoản thuế trực thu được đánh vào lợi tức của doanh nghiệp. Lợi tức chịu thuế và lợi tức thực tế kế toán xác định có những khác biệt, do một bên chịu sự chi phối của luật thuế còn một bên chịu sự chi phối từ những quy định riêng biệt của kế toán.
- Các khoản bất thường: Phân biệt rõ những khoản thu nhập và chi phí có bản

chất bất thường để trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và trong thuyết minh báo cáo tài chính.

- Các cam kết tài chính: Yêu cầu những cam kết tài chính phải được trình bày trên báo cáo tài chính dưới những hình thức phù hợp, để làm rõ những cam kết liên quan đến những hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp và phục vụ cho việc đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Những biến động giá cả: Có thể phản ánh những ảnh hưởng của tình trạng lạm phát đến sự biến động của giá cả, thông qua các giải trình liên quan đến báo cáo tài chính được thiết lập.

1.3.3- THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3.3.1- Cơ chế quản lý kinh tế – cơ sở chi phối trực tiếp đến những thông tin trình bày trên báo cáo kế toán

Có thể nói cơ chế quản lý kinh tế có tính quyết định và chi phối trực tiếp đến những thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.

Khi nền kinh tế ở trong giai đoạn cơ chế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước tiến hành quản lý trực tiếp mọi hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Nhu cầu thông tin kế toán trong thời kỳ này giữa Nhà nước và doanh nghiệp là thống nhất với nhau, vì thế thông tin kế toán chỉ được trình bày trên một hệ thống báo cáo kế toán duy nhất do Nhà nước quy định. Thông tin trình bày trên các báo cáo kế toán không phản ánh trung thực tình hình thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp.

Khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, mô hình nền kinh tế phát triển theo hướng nhiều thành phần, trong đó kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Các cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế, không can thiệp vào chức năng quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong cơ chế thị trường, các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất, đầu tư theo nhu cầu thị trường. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh doanh lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đồng thời cũng đặt ra cho doanh nghiệp những điều kiện ràng buộc khi đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh liên quan đến quá trình thực hiện kế hoạch. Thị trường là nơi doanh nghiệp thể hiện sức mạnh cũng như những hạn chế của mình trước các đối thủ cạnh tranh, và cũng chính thị trường sẽ phán quyết về khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hoạt động trong môi trường kinh doanh như vậy, thì việc đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp chủ yếu dựa vào chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Từ những vấn đề trên ta có thể thấy trong cơ chế thị trường Việt Nam, báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin hữu ích nhất đáp ứng được nhu cầu thông tin của bản thân doanh nghiệp và của các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, trong đó Nhà nước vẫn là đối tượng chủ yếu. Xuất phát từ mối quan hệ về pháp lý và lợi ích kinh tế giữa doanh nghiệp với các đối tượng khác ở bên ngoài doanh nghiệp, đã nảy sinh sự ràng buộc về nhu cầu thông tin tài chính mà doanh nghiệp phải cung cấp cho những đối tượng này.

Thông tin tài chính cung cấp theo những hình thức và nội dung nhất định tùy theo quy định của mỗi quốc gia. Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải đảm bảo độ tin cậy cao, trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời và thông thường báo cáo tài chính được lập phải tuân thủ những quy định mang tính pháp lý. Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng của các thông tin tài chính, báo cáo tài chính còn phải được xác nhận bởi công ty kiểm toán độc lập.

1.3.3.2- Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.

Thông tin trình bày trên hệ thống báo cáo tài chính Việt Nam về cơ bản tương đồng với những quy định trong chuẩn mực quốc tế về kế toán. Do vậy, chúng tôi chủ yếu chọn qui định trong chuẩn mực quốc tế để trình bày trong phần này.

Để đạt được mục đích của báo cáo tài chính, những thông tin sau đây cần phải trình bày trên báo cáo tài chính :

- Tên của doanh nghiệp lập báo cáo
- Báo cáo tài chính là báo cáo cho một doanh nghiệp riêng lẻ hay một nhóm các doanh nghiệp.
- Ngày lập báo cáo hoặc niên độ mà báo cáo tài chính được lập.

Các bộ phận cấu thành của báo cáo tài chính được trình bày bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Phần ghi chú cho các báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính phác họa những ảnh hưởng tài chính của các giao dịch, các sự kiện bằng cách tập hợp chúng lại thành những khoản mục lớn theo tính chất kinh tế của chúng. Những khoản mục này được gọi là các yếu tố của báo cáo tài chính và cũng chính là những thông tin cơ bản cần phải trình bày trên các báo cáo tài chính.

1.3.3.2.1- Thông tin trình bày trên Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối tài sản của doanh nghiệp phải phản ánh được tình trạng tài chính của doanh nghiệp tại ngày lập báo cáo và theo cách thức làm cho người đọc